TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127/2023/HC-PT
Ngày: 09-5-2023
V/v: "Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường

Ông Trần Quốc Cường

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Hồng Phượng, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thành, Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ hành chính thụ lý số 24/2023/TLPT-HC ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc: "*Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 134/2022/HC-ST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Lê Văn B, sinh năm 1956; Địa chỉ: Khối C, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn Đ, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khối C, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch UBND thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

2. Uỷ ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh L - Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Lê Viết H - Phó Giám đốc Ban Quản lý Di sản - Quỹ đất thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Phạm Công Đ - Chủ tịch UBND phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

3. Uỷ ban nhân dân phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; Địa chỉ: Khối C, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Công Đ - Chủ tịch.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1984;
2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1950;
3. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1954;
4. Bà Đinh Thị Thanh X, sinh năm 1986;

Cùng trú tại: Khối C, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Bà Lê Thị T, bà Nguyễn Thị A và bà Đinh Thị Thanh X ủy quyền cho: ông Lê Văn Đ.

**** Người kháng cáo:*** người khởi kiện ông Lê Văn B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (ông Lê Văn B), ông Lê Văn Đ trình bày:

Nhằm thực hiện dự án đầu tư xây dựng cầu T tại phường CC và phường C, Ủy ban nhân dân thành phố H đã thu hồi diện tích đất 84,1m^2 (thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 15) tại khối C, phường C, thành phố H, do hộ ông Lê L đứng tên chủ sử dụng. Để thu hồi diện tích đất này, ngày 08/04/2020, UBND thành phố H ban hành Quyết định thu hồi số 327/QĐ-UBND, về việc thu hồi diện tích đất 84,1m² thuộc thửa đất nêu trên, với mục đích sử dụng là đất cây lâu năm có nguồn gốc vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở.

Trên cơ sở Quyết định thu hồi nêu trên, UBND thành phố H tiếp tục ban hành Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 về việc bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu cho hộ gia đình ông Lê Văn B để giải phóng mặt bằng với tổng số tiền là: 903.998.500 đồng.

Trước đó, vào ngày 09/04/2020, UBND phường C, thành phố H lập Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất đối với diện tích đất 84,1m² là loại đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn ao gắn liền với thửa đất ở (thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 15), với thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993, mặc dù trước đó, vào ngày 17/5/2007, Chủ tịch UBND phường C đã có xác nhận nguồn gốc đất là *"sử dụng trước năm 1980, đăng ký 201, thửa số 87, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.620 m^2, loại đất ở, do ông Lê L đứng tên đăng ký hồ sơ 201"* (tức là thửa đất lớn tính từ thời điểm chưa mở đường, bao gồm cả phần đất 84,1m² bị thu hồi).

Việc UBND TP. H xác định loại đất gia đình ông Lê Văn B đang sử dụng diện tích 84,1m² là đất cây lâu năm có nguồn gốc vườn ao trong cùng một thửa đất có nhà ở để thực hiện việc bồi thường và nội dung tại Giấy xác nhận nguồn gốc đất vào ngày 09/04/2020 của UBND phường C là hoàn toàn không đúng, làm thiệt hại đến quyền lợi chính đáng của gia đình ông Lê Văn B, bởi những lý do sau:

1. Căn cứ quá trình kê khai đăng ký qua các thời kỳ và Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất vào ngày 17/5/2007 thì diện tích đất 84,1m² có nguồn gốc sử dụng trước năm 1980, có đăng ký kê khai theo Quyết định 201/CP của Chính Phủ thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.620m², loại đất thổ cư do ông Lê L (cha ông Lê Văn B) đứng tên hộ chủ sử dụng đất và không vi phạm chính sách về đất đai, sử dụng ổn định, không có tranh chấp khiếu nại với bất kỳ ai. Khi thực hiện chủ trương mở đường N thì thửa đất số 87 của gia đình ông Lê L bị tách thành hai thửa, gồm: thửa đất số 102 (thửa số 6 cũ), tờ bản đồ số 15 (tờ bản đồ số 9 cũ), diện tích 1.291m² (nay còn 812,4m²) và thửa 58 (thửa số 7 cũ), tờ bản đồ số 15 (tờ bản đồ số 9 cũ), diện tích 84,1m². Đối với thửa đất số 102 (6) đã được UBND TP H cấp Giấy chứng nhận QSD đất và công nhận là loại đất ở đô thị thì không có lý do gì diện tích đất 84,1m² cũng có nguồn gốc như thửa 102 (6) mà không được xác định cùng một loại đất là loại đất ở đô thị.

2. Căn cứ Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình hộ Lê L đối với Dự án Đầu tư xây dựng cầu T tại Khối T, phường CC và khối C, phường C, thì Ban Quản lý dự án và Quỹ đất TP. H vẫn kiểm kê, kiểm đếm tài sản trên diện tích đất 84,1m² thu hồi thì công trình trên đất có kết cấu gồm: Nhà quán (nhà trệt, tường xây, mái tôn kẽm, nền gạch men, ...) và có giếng, hệ thống điện nước thì có thể khẳng định rằng gia đình ông đang sinh sống ổn định tại đây với mục đích là để ở.

3. Theo hiện trạng sử dụng đất thì diện tích đất 84,1m² hiện nay ngoài việc là nơi ở, sinh hoạt hằng ngày thì con trai ông Lê Văn B (ông Lê Văn Đ) cũng đang buôn bán tạp hóa để kiếm thu nhập – đây là nguồn thu nhập chính và duy nhất của gia đình để trang trải cuộc sống hằng ngày cho cả gia đình. Đồng thời đây cũng là nơi duy nhất của gia đình ông Lê Văn B và gia đình con trai (Lê Văn Đ) cùng chung sống từ trước đến nay.

Do đó, ông Lê Văn B đề nghị UBND Tp. H xem xét, giải quyết xác định lại loại đất, để thu hồi, bồi thường theo đúng nguồn gốc sử dụng đất đã được UBND phường C xác nhận ngày 17/5/2007 để gia đình ông Lê Văn B có nơi ở ổn định và tiếp tục buôn bán lo cho kinh tế gia đình. Tuy nhiên việc kiến nghị của gia đình ông Lê Văn B vẫn không được giải quyết.

Sau đó, gia đình ông Lê Văn B khiếu nại đối với Quyết định số 327/UBND ngày 04/8/2020 và Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của UBND Tp. H. Ông B yêu cầu Chủ tịch UBND TP. H xem xét, giải quyết

xác định lại đất để thu hồi, bồi thường là đất ở đô thị theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 14/4/2021, ông Lê Văn B biết được Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn B, nội dung giải quyết khiếu nại vẫn không căn cứ, xem xét nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của gia đình ông B với loại đất ở đô thị.

Vào ngày 31/8/2021, tại buổi đối thoại do UBND thành phố Hộ An tổ chức, gia đình ông Lê Văn B có yêu cầu UBND thành phố H hỗ trợ đời sống, hỗ trợ ngành nghề cho vợ chồng ông, vì gia đình đang kinh doanh, buôn bán tại vị trí đất thu hồi. Đề nghị cho thuê mặt bằng trên đường N để kinh doanh buôn bán. Đến ngày 13/9/2021, UBND Tp. H ban hành Thông báo số 381/TB-UBND về nội dung kết luận tại buổi đối thoại với 02 hộ dân bị ảnh hưởng dự án: *"Đầu tư xây dựng công trình cầu T tại Khối T và khối C, phường C, TP. H (khu vực C), gồm hộ ông Lê L (đã chết, đại diện là ông Lê Văn B và bà Lê Thị T) và hộ ông Lê Văn D",* không chấp nhận theo đề nghị của gia đình ông Lê Văn B và yêu cầu gia đình ông B phải chấp hành chủ trương nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng để Nhà nước sớm triển khai thực hiện dự án.

Xét thấy các quyết định hành chính nêu trên đã gây thiệt hại cho gia đình ông Lê Văn B, nên ông Lê Văn B khởi kiện Chủ tịch và Ủy ban nhân dân TP H, Ủy ban nhân dân phường C tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, đề nghị Tòa xem xét, giải quyết yêu cầu sau:

- Huỷ Giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 09/4/2020 của Uỷ ban nhân dân phường C, thành phố H;

- Huỷ Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của Uỷ ban nhân dân thành phố H về việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng cầu T tại phường CC và phường C, thành phố H;

- Huỷ Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của Uỷ ban nhân dân thành phố H về bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng đối với dự án Đầu tư xây dựng Cầu T, địa điểm: phường CC - C, thành phố H cho ông Lê L (đại diện Lê Văn B và bà Lê Thị T);

- Huỷ Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn B, thường trú tại khối C, phường C, thành phố H (lần đầu);

- Huỷ Thông báo số 381/TB-UBND ngày 13/9/2021 của Uỷ ban nhân dân thành phố H về nội dung kết luận tại buổi đối thoại với 02 hộ dân bị ảnh hưởng dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu T tại khối T và khối C, phường C, thành phố H (khu vực C), gồm hộ ông Lê L (đã chết, đại diện là ông Lê Văn B, bà Lê Thị T) và hộ ông Lê Văn D;

- Buộc Uỷ ban nhân dân thành phố H ban hành quyết định thu hồi, bồi thường thiệt hại khi thu hồi đất tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 15, diện tích

84,1m^2 tại khối C, phường C, thành phố H là loại đất ở đô thị cho hộ gia đình ông Lê Văn B theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tại phiên tòa, ông Lê Văn Đ (đại diện cho người khởi kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) khẳng định: Khi thực hiện về bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất 84,1 m^2 và tài sản trên đất, UBND thành phố H bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê L (đại diện Lê Văn B và Lê Thị T), mặc dù trên thửa đất này có tài sản của ông Lê Văn Đ, nhưng ông Lê Văn Đ không yêu cầu Tòa án xem xét lại việc bồi thường tài sản trên đất mà chỉ yêu cầu Tòa án xem xét lại việc UBND phường C và UBND thành phố H xác định loại đất khi bồi thường đối với diện tích 84,1 m^2 là loại đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở là không đúng, mà phải là đất ở đô thị.

- *Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện (Chủ tịch và UBND thành phố H) trình bày:*

Thửa đất hiện nay ông Lê Văn B có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết có nguồn gốc và hồ sơ đăng ký qua các thời kỳ như sau: Hồ sơ đất theo Chỉ thị 299/TTg, ông Lê L (là cha ruột của ông Lê Văn B và bà Lê Thị T) đăng ký tại thửa đất số 87, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.620m^2, loại đất T (thổ cư). Hồ sơ chỉ thị 299/ CP, gồm có bản đồ và Sổ mục kê ruộng đất được UBND xã ký xác nhận vào năm 1982.

Đến năm 1997, thửa đất đăng ký nói trên bị cấn dự án mở mới tuyến đường chính xã C (bây giờ là đường N), nên đã chia cắt thửa đất của hộ gia đình thành 02 phần. Theo hồ sơ đăng ký Nghị định 64/CP, mảnh đất bị chia 2 phần gồm: Phần thứ nhất (phần nhà chính) là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.291m^2, loại đất thổ cư (T), do ông Lê L kê khai đăng ký và phần thứ hai (phần bị chia tách) là thửa đất số 07, tờ bản đồ số 9, diện tích 71m^2, loại đất hoang do Nhà nước quản lý. Hồ sơ đất theo nghị định 64/CP có bản đồ, Sổ mục kê đất đai và Sổ địa chính được Sở địa chính và UBND xã C ký xác nhận năm 1998.

Theo hồ sơ đo mới hệ tọa độ VN.2000 thể hiện: Phần nhà chính là thửa đất số 102, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.008,7m^2, loại đất thổ cư (T), do ông Lê L đứng tên trong mục kê đất đai. Phần bị chia tách là thửa đất số 58, tờ bản đồ 15, diện tích 123,2m^2, loại đất T (thổ cư) do ông Lê Văn B đứng tên trong mục kê đất đai. Hồ sơ đo mới hệ tọa độ VN 2000 có bản đồ được Sở địa chính và UBND xã C ký xác nhận vào tháng 11/2004. Việc xác định loại đất thổ cư là dựa trên bản đồ được phê duyệt. Trên thửa đất ban đầu có tiệm sửa xe của ông Lê Văn B, sau này sửa thành tiệm bán tạp hoá.

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng cầu T (tại phường CC và phường C, thành phố H) thửa đất trên của hộ ông Lê L (chết - đại diện theo pháp luật là ông Lê Văn B và bà Lê Thị T) bị thu hồi một phần để thực hiện dự án. Ngày

04/8/2020, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 327/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 84,1m^2 của hộ ông Lê L tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 15 *(theo hồ sơ đo đạc hệ tọa độ VN.2000),* tại khối C, phường C, thành phố H, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở. Trên cơ sở quyết định thu hồi đất, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 về việc bồi thường hỗ trợ về đất, nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối hoa màu cho hộ gia đình ông Lê Văn B để giải phóng mặt bằng, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 903.998.500 đồng.

Khi tiến hành thủ tục chi trả tiền bồi thường, đại diện hộ gia đình không đồng ý và có Đơn khiếu nại đối với Quyết định số 327/UBND ngày 04/8/2020 và Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của UBND thành phố H. Đại diện hộ gia đình cho rằng UBND thành phố H thu hồi diện tích đất 84,1m^2 với mục đích sử dụng là loại đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc vườn ao để bồi thường, hỗ trợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình. Gia đình ông Lê Văn B cho rằng mảnh đất bị thu hồi (84,1 m^2) có cùng nguồn gốc cùng với thửa đất thứ nhất, mà thửa đất thứ nhất có nguồn gốc là đất thổ cư và đã được UBND thành phố H công nhận là đất ở đô thị. Do đó, thửa đất bị thu hồi lần này đương nhiên là đất ở đô thị chứ không thể là đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc vườn ao. Ông Lê Văn B yêu cầu Chủ tịch UBND Thành phố H xem xét, giải quyết xác định lại loại đất để thu hồi, bồi thường là đất ở đô thị theo quy định pháp luật.

Ngày 06/4/2021, Chủ tịch UBND Thành phố ban hành Quyết định số 477/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Lê Văn B với nội dung: Không chấp nhận đơn của ông Lê Văn B; Quyết định số 327/UBND ngày 04/8/2020 về việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng cầu T tại phường CC và phường C và Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 về việc bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng cho ông Lê L (đại diện là ông Lê Văn B và bà Lê Thị T) của UBND thành phố H là đảm bảo quy định.

Ngày 31/8/2021, UBND Thành phố tổ chức đối thoại với 02 hộ dân bị ảnh hưởng đầu tư xây dựng cầu T tại phường CC và phường C, trong đó có hộ ông Lê Văn B. Ngày 13/9/2021, UBND Thành phố ban hành Thông báo số 381/TB-UBND về việc kết luận nội dung buổi đối thoại với 02 hộ dân bị ảnh hưởng đầu tư xây dựng cầu T tại phường CC và phường C vào ngày 31/8/2021 với nội dung các đề nghị của hộ ông Lê Văn B đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 15 là không có cơ sở xem xét.

Ủy ban nhân dân thành phố H xét thấy hồ sơ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg tại thành phố H (gồm có bản đồ và Sổ mục kê ruộng đất) không phải là một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 để áp dụng công nhận diện tích đất ở.

Mặt khác, thửa đất của gia đình ông Lê Văn B đã được công nhận diện

tích 1.012,4m^2 đất ở trong thời gian qua như sau:

+ Đối với thửa đất có nhà ở (thửa số 06, tờ bản đồ số 9)**:**

Ngày 03/6/1998, UBND thị xã (nay là thành phố) H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 06, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.291m^2, loại đất ở + đất vườn cho hộ ông Lê L.

Ngày 27/8/2003, UBND thị xã H xác nhận cho phép thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ gia đình với người khác diện tích 260,7m^2, loại đất vườn. Nên diện tích còn lại của thửa đất số 6 là 1.030,3m^2 (gồm có 200m^2 loại đất ở và 830,3m^2 loại đất vườn).

Ngày 17/5/2012, Hộ gia đình thực hiện điều chỉnh biến động thửa đất như sau:

+ Điều chỉnh thửa số 6 thành thửa số 102, tờ bản đồ số 09 thành tờ bản đồ số 15; điều chỉnh giảm diện tích từ 1.030,3m^2 còn 1.012,4m^2, trong đó có 200m^2 đất ở, còn lại 812,4 m2 là loại đất vườn (giảm diện tích theo hiện trạng sử dụng đất).

+ Năm 2009, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3523/QĐ-UBND ngày 15/12/2009, về việc thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng đường N. Theo đó thu hồi một phần thửa đất số 102(6), tờ bản đồ số 15(9) với diện tích thu hồi là 168,6m2, loại đất ở đô thị *(nhưng lúc đó chưa điều chỉnh giảm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)*. Nên thửa đất bị điều chỉnh giảm 168,6m^2, loại đất ở đô thị, diện tích còn lại của thửa đất là 843,8m^2 (gồm 31,4m^2 loại đất ở và 812,4m^2 loại đất cây lâu năm).

+ Căn cứ khoản 2, Điều 87, Luật đất đai năm 2003 UBND thành phố đã công nhận toàn bộ diện tích 812,4m^2, đất trồng cây lâu năm thành đất ở. Nên toàn bộ diện tích 843,8m^2 của thửa đất số 102 (6), tờ bản đồ số 15(9) là đất ở.

Như vậy, căn cứ vào những nội dung thay đổi sau khi cấp giấy CNQSD đất cho thấy: UBND thành phố H đã thực hiện công nhận diện tích đất ở cho hộ gia đình ông Lê L với tổng diện tích là 1.012,4m^2 (gồm có 200m^2 theo hạn mức + 812,4m^2 công nhận vào ngày 17/5/2012).

+ Đối với thửa đất bị chia tách (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 9): Hộ gia đình không thực hiện kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng được xác định là đất vườn ao trong cùng thửa đất ở vì có nguồn gốc từ một thửa đất có đăng ký hồ sơ Chỉ thị 299/TTg tách ra (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3).

Do đó, việc ông Lê Văn B yêu cầu UBND thành phố H xem xét xác định lại diện tích đất 84,1 m2, tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 15 phường C là loại đất ở đô thị là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu được hỗ trợ ổn định đời sống và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, UBND thành phố H thấy rằng: Thực tế thửa đất bị thu hồi gia đình ông Lê Văn B sử dụng để làm quán kinh doanh tạp hóa, nhưng không có đăng ký

kinh doanh và không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước trong quá trình kinh doanh nên không có cơ sở để hỗ trợ theo quy định. Về yêu cầu hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề thì ông Lê Văn B không thuộc trường hợp được hỗ trợ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013. Về đề nghị cho thuê mặt bằng trên đường N để kinh doanh, buôn bán: Qua kiểm tra thì hiện nay trên đường N không có mặt bằng để cho ông Đ thuê kinh doanh. Tuy nhiên, UBND thành phố H đã chỉ đạo UBND phường C làm việc với gia đình ông Lê Văn Đ để xem xét cho thuê mặt bằng buôn bán nước giải khát dọc bờ kè từ quán Đầu Làng đến cầu C.

Vì vậy, toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B là không có cơ sở, đề nghị Tòa án không chấp nhận.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện UBND phường C, ông Phạm Công Định trình bày:

- Về nguồn gốc và hồ sơ đất đai qua các thời kỳ của thửa đất mà ông Lê Văn B khởi kiện:

Theo hồ sơ Chỉ thị 299/TTg, ông Lê L (là cha ruột của ông Lê Văn B và bà Lê Thị T) đăng ký tại thửa đất số 87, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.620m^2, loại đất thổ cư (T). Hồ sơ chỉ thị 299 tại xã C gồm có bản đồ và sổ mục kê ruộng đất được UBND xã ký xác nhận vào năm 1982.

Đến năm 1997, thửa đất đăng ký nói trên bị cấn dự án mở mới tuyến đường chính xã C rộng 7m (đường N sau này), nên đã chia cắt thửa đất của hộ gia đình thành 02 phần. Theo hồ sơ đăng ký Nghị định 64/CP, mảnh đất bị chia 2 phần gồm: Phần thứ nhất (gọi là phần nhà chính) là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.291m^2, loại đất thổ cư (T), do ông Lê L kê khai đăng ký và phần thứ hai (gọi là phần bị chia tách) là thửa đất số 07, tờ bản đồ số 9, diện tích 71m^2, loại đất Hoang do Nhà nước quản lý. Hồ sơ nghị định 64/CP tại C có bản đồ, Sổ mục kê đất đai và Sổ địa chính được Sở địa chính và UBND xã C ký xác nhận năm 1998.

Theo hồ sơ đo mới hệ tọa độ VN.2000 thể hiện: Phần nhà chính là thửa đất số 102, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.008,7m^2, loại đất thổ cư (T), do ông Lê L đứng tên trong mục kê đất đai. Phần bị chia tách là thửa đất số 58, tờ bản đồ 15, diện tích 123,2m^2, loại đất thổ cư (T) do ông Lê Văn B đứng tên trong mục kê đất đai. Hồ sơ đo mới hệ tọa độ VN 2000 tại C có bản đồ được sở địa chính và UBND xã C ký xác nhận vào tháng 11/2004, mục kê đất đai lưu trên máy tính, không có sổ mục kê. Việc xác định loại đất thổ cư (T) là dựa trên bản đồ được phê duyệt.

- Về quá trình thu hồi đất để thực hiện dự án Cầu T:

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng cầu T tại phường CC và phường C, thửa đất trên của hộ ông Lê L (chết – đại diện là ông Lê Văn B và bà Lê Thị T) bị thu hồi một phần (84,1 m^2) để thực hiện dự án. Ngày 09/4/2020, Ủy ban nhân dân

phường C, thành phố H ban hành Giấy xác nhận nguồn gốc đất đối với diện tích 81,4 m^2 của ông Lê Văn B là loại đất vườn có nguồn gốc vườn ao. Ngày 04/8/2020, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 327/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 84,1m^2 của hộ ông Lê L tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 15, khối C, phường C, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc vườn ao trong cùng thửa đất có có nhà ở. Trên cơ sở quyết định thu hồi đất, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 về việc bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà cửa và vật kiến trúc, cây cối, hoa màu cho hộ gia đình để giải phóng mặt bằng, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 903.998.500 đồng.

Khi tiến hành thủ tục chi trả tiền bồi thường, đại diện hộ gia đình không đồng ý và có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 327/QĐUBND ngày 04/8/2020 và Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của UBND Thành phố. Đại diện hộ gia đình cho rằng khi Nhà nước thu hồi diện tích đất 84,1m^2 với mục đích là loại đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở để làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình. Đồng thời, hộ gia đình cho rằng nguồn gốc thửa đất này được ông Lê L (cha của ông Lê Văn B) quản lý sử dụng và làm nhà ở từ trước năm 1980 nhưng khi làm đường N đã chia cắt thửa đất của gia đình thành hai thửa. Do đó, gia đình khiếu nại yêu cầu Chủ tịch UBND Thành phố xem xét, giải quyết xác định lại loại đất thu hồi, bồi thường là đất ở đô thị theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/4/2021, Chủ tịch UBND Thành phố ban hành Quyết định số 447/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Lê Văn B với nội dung: Không chấp nhận đơn của ông Lê Văn B, Quyết định số 327/UBND ngày 04/8/2020 về việc thu hồi đất để đầy tư và xây dựng cầu T tại phường CC và phường C và Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 về việc bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng cho ông Lê L (đại diện là ông Lê Văn B và bà Lê Thị T) của UBND thành phố H là đảm bảo theo quy định.

- *Về quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và những nội dung thay đổi sau khi cấp giấy CNQSD đất:*

+ Đối với thửa đất có nhà ở (phần nhà chính, đối diện thửa đất bị thu hồi) của hộ ông Lê L:

Ngày 03/6/1998, UBND thị xã (nay là thành phố) H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 06, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.291m^2, loại đất ở + đất vườn cho hộ ông Lê L.

Ngày 27/8/2003, UBND thị xã H xác nhận cho phép thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ gia đình với người khác diện tích 260,7m^2, loại đất vườn. Nên diện tích còn lại của thửa đất số 6 là 1.030,3m^2 (gồm có 200m^2 loại đất ở và 830,3m^2 loại đất vườn).

Ngày 17/5/2012, Hộ gia đình thực hiện điều chỉnh biến động thửa đất như sau:

+ Điều chỉnh thửa số 6 thành thửa số 102, tờ bản đồ số 09 thành tờ bản đồ số 15; điều chỉnh giảm diện tích từ 1.030,3m^2 còn 1.012,4m^2, trong đó có 200m^2 đất ở, còn lại 812,4 m2 là loại đất vườn (giảm diện tích theo hiện trạng sử dụng đất).

+ Năm 2009, UBND thành phố H ban hành quyết định số 3523/QĐ-UBND ngày 15/12/2009, về việc thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng đường N. Theo đó thu hồi một phần thửa đất số 102(6), tờ bản đồ số 15(9) với diện tích thu hồi là 168,6m2, loại đất ở đô thị *(nhưng lúc đó chưa điều chỉnh giảm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)*. Nên thửa đất bị điều chỉnh giảm 168,6m^2, loại đất ở đô thị, diện tích còn lại của thửa đất là 843,8m^2 (gồm 31,4m^2 loại đất ở và 812,4m^2 loại đất cây lâu năm).

+ Căn cứ khoản 2, Điều 87, Luật đất đai năm 2003 UBND thành phố đã công nhận toàn bộ diện tích 812,4m^2, đất trồng cây lâu năm thành đất ở. Nên toàn bộ diện tích 843,8m^2 của thửa đất số 102 (6), tờ bản đồ số 15(9) là đất ở.

Đến tháng 11/2014 hộ gia đình thực hiện thừa kế cho ông Lê Văn B thửa đất nói trên. Đến tháng 8/2015 ông Lê Văn B thực hiện tách thửa.

Như vậy, căn cứ vào những nội dung thay đổi sau khi cấp giấy CNQSD đất cho thấy: UBND thành phố H đã thực hiện công nhận diện tích đất ở cho hộ gia đình ông Lê L với tổng diện tích là 1.012,4m^2 (gồm có 200m^2 theo hạn mức + 812,4m^2 công nhận vào ngày 17/5/2012).

+ Đối với phần diện tích đất bị chia tách (84,1 m^2): Hộ gia đình không thực hiện kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng được xác định là đất vườn ao trong cùng thửa đất ở vì có nguồn gốc từ một thửa đất có đăng ký hồ sơ Chỉ thị 299/TTg tách ra.

- *Về căn cứ pháp lý đối với nội dung khiếu kiện*

Theo quy định tại khoản 2, Điều 103 Luật đất đai năm 2013 thì: "Đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao được hình thành trước ngày 18/12/1980 và người đang sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1,2,3 Điều 100 Luật đất đai 2013 thì diện tích đất ở được xác định theo giấy tờ đó".

Căn cứ Thông báo số 449/TB-UBND ngày 05/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc kết luận của đồng chí Trần Văn Tân – Uỷ viên Ban thường vụ Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch UBND Tỉnh tại buổi làm việc với lãnh đạo UBND thành phố H về lĩnh vực tài nguyên và môi trường, cụ thể, tại khoản 5, Mục 3 Thông báo có nêu: "Việc sử dụng Sổ mục kê và bản đồ được lập sau năm 1980 thay giấy tờ được lập trước ngày 15/10/1993 để làm căn cứ cấp Giấy CNQSDĐ, công nhận đất ở là không đảm bảo cơ sở pháp lý". Nên, Hồ sơ chỉ thị 299/TTg của xã C gồm có bản đồ và Sổ mục kê ruộng đất được UBND xã C ký xác nhận

vào năm 1982, cả hai giấy tờ này không phải là một trong các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1,2,3, Điều 100 của Luật đất đai năm 2013 để làm căn cứ công nhận đất ở đối với trường hợp có đất vườn, ao theo quy định tại khoản 2, Điều 103 của Luật đất đai năm 2013.

Hơn nữa, căn cứ vào những nội dung thay đổi sau khi cấp giấy CNQSD đất cho thấy: UBND thành phố H đã thực hiện công nhận diện tích đất ở cho hộ gia đình ông Lê L với tổng diện tích là 1.012,4m^2 (gồm có 200m^2 theo hạn mức + 812,4m^2 công nhận vào ngày 17/5/2012).

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 8, Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành quy định hạn mức giao đất, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam có quy định: *"Trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở được hình thành trước ngày 18/12/1980, người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại các khoảng 1,2,3, điều 100, luật đất đai năm 2013 và Điều 18, Nghị định số 43/2014/NĐ-C ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 16, Điều 2, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định thi hành luật đất đai mà giấy tờ đó đã xác định rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được xác định theo giấy tờ đó.*

Trường hợp trong các loại giấy tờ đó chưa xác định rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở công nhận không phải nộp tiền sử dụng đất bằng diện tích thực tế của thửa đất đối với trường hợp diện tích thửa đất nhỏ hơn 05 lần hạn mức giao đất ở; bằng 5 lần hạn mức giao đất ở đối với trường hợp diện tích thửa đất lớn hơn 5 lần hạn mức giao đất ở theo quy định tại Điều 7, quy định này. Phần diện tích còn lại sau khi đã xác định diện tích đất ở thì xác định sử dụng vào mục đích hiện trạng đang sử dụng".

Hạn mức giao đất ở đối với phường C, thành phố H là 200m^2.

Như vậy, cho dù thửa đất đủ điều kiện được công nhận đất ở theo quy định tại khoản 2, Điều 103 Luật đất đai năm 2013 thì đến nay hộ gia đình cũng không có cơ sở để công nhận phần diện tích 84,1m^2 là loại đất ở vì UBND thành phố H đã thực hiện công nhận đất ở cho hộ gia đình ông Lê L với diện tích 1.012,4m^2 (vượt quá 5 lần hạn mức giao đất ở theo quy định).

Đối với Giấy xác nhận nguồn gốc đất vào ngày 17/5/2007 của Chủ tịch UBND phường C không còn phù hợp với Luật đất đai năm 2013 và các văn bản pháp quy khác của nhà nước hướng dẫn áp dung Luật đất đai năm 2013. Do đó, UBND xã C ban hành Giấy xác nhận nguồn gốc đất vào ngày 09/4/2020, đối với diện tích 81,4 m^2 của ông Lê Văn B là loại đất vườn có nguồn gốc vườn ao, là đúng quy định của pháp luật về đất đai hiện hành.

Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B về việc Huỷ Giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 09/4/2020 của Uỷ ban nhân dân phường C, thành phố H là không có cơ sở, đề nghị Tòa án không chấp nhận.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T, bà Nguyễn Thị A, bà Đinh Thị Thanh X đã ủy quyền cho ông Lê Văn Đ (cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, ý kiến trình bày nêu trên của ông Lê Văn Đ cũng chính là ý kiến của những người này.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 134/2022/HC-ST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ Điều 3; Điều 116, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 83, Điều 11, Điều 100, Điều 103 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm b khoản 4 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B về việc: huỷ Giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 09/4/2020 của Uỷ ban nhân dân phường C, thành phố H; huỷ Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của Uỷ ban nhân dân thành phố H về việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng cầu T tại phường CC và phường C, thành phố H; huỷ Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của Uỷ ban nhân dân thành phố H về bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng đối với dự án Đầu tư xây dựng Cầu T, địa điểm: phường CC- C, thành phố H cho ông Lê L (đã chết, đại diện ông Lê Văn B và bà Lê Thị T); huỷ Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn B, thường trú tại khối C, phường C, thành phố H (lần đầu); huỷ Thông báo số 381/TB-UBND ngày 13/9/2021 của Uỷ ban nhân dân thành phố H về nội dung kết luận tại buổi đối thoại với 02 hộ dân bị ảnh hưởng dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu T tại khối T và khối C, phường C, thành phố H (khu vực C), gồm hộ ông Lê L (đã chết, đại diện là ông Lê Văn B, bà Lê Thị T) và hộ ông Lê Văn D; buộc Uỷ ban nhân dân thành phố H ban hành quyết định thu hồi, bồi thường thiệt hại khi thu hồi đất tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 15, diện tích 84,1m^2 tại khối C, phường C, thành phố H là loại đất ở đô thị cho hộ gia đình ông Lê Văn B theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Kháng cáo:

Ngày 02/12/2022, ông Lê Văn B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Xác định nguồn gốc quá trình sử dụng đất đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 15, diện tích 84,1m^2 tại khối C, phường C, thành phố H là đất ở đô thị.

- Huỷ Giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 09/4/2020 của Uỷ ban nhân dân phường C, thành phố H;

- Huỷ Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của Uỷ ban nhân dân thành phố H về việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng cầu T tại phường CC và phường C, thành phố H;

- Huỷ Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của Uỷ ban nhân dân thành phố H về bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng đối với dự án Đầu tư xây dựng Cầu T, địa điểm: phường CC - C, thành phố H cho ông Lê L (đại diện Lê Văn B và bà Lê Thị T);

- Huỷ Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn B, thường trú tại khối C, phường C, thành phố H (lần đầu);

- Huỷ Thông báo số 381/TB-UBND ngày 13/9/2021 của Uỷ ban nhân dân thành phố H về nội dung kết luận tại buổi đối thoại với 02 hộ dân bị ảnh hưởng dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu T tại khối T và khối C, phường C, thành phố H (khu vực C), gồm hộ ông Lê L (đã chết, đại diện là ông Lê Văn B, bà Lê Thị T) và hộ ông Lê Văn D;

- Buộc Uỷ ban nhân dân thành phố H ban hành quyết định thu hồi, bồi thường thiệt hại khi thu hồi đất tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 15, diện tích 84,1m^2 tại khối C, phường C, thành phố H là loại đất ở đô thị cho hộ gia đình ông Lê Văn B theo đúng quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người kháng cáo ông Lê Văn B giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nguồn gốc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 15, diện tích 84,1m^2 tại khối C, phường C, thành phố H:

Theo hồ sơ Chỉ thị số 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ thì thửa 58, tờ bản đồ số 15 thuộc một phần thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.620m^2, loại đất thổ cư do ông Lê L (cha ông Lê Văn B và bà Lê Thị T) kê khai, đăng ký. Theo hồ sơ Nghị định số 64/CP của Chính phủ là thửa đất số 07, tờ bản đồ số 09, diện tích 71m^2 loại đất hoang do UBND xã C (cũ) quản lý. Theo hồ sơ đo đạc hệ tọa độ VN.2000 là thửa đất số 58, tờ bản đồ số 15, diện tích 123,2m^2 loại

đất ở đô thị, thể hiện chủ sử dụng là ông Lê Văn B. Theo hồ sơ thu hồi đất thì diện tích đất hiện nay của thửa 58, tờ bản đồ số 15 là 84,1m^2.

[2] Ông Lê L là người thực hiện việc kê khai, đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg đối với diện tích đất 1.620m^2. Khi thực hiện mở tuyến đường chính xã C rộng 7m (đường N bây giờ), thì thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3 bị chia thành 02 thửa theo hồ sơ 64/CP như sau: thửa đất số 06, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.291m^2, loại đất thổ cư (T) do ông Lê L kê khai đăng ký và thửa đất số 07, tờ bản đồ số 09, diện tích 71 m^2, loại đất hoang do Nhà nước quản lý. Ngày 03/6/1998, UBND thị xã H (nay là thành phố H) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 06, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.291m^2, loại đất ở + vườn cho hộ ông Lê L. Ngày 27/8/2003, UBND thị xã H xác nhận cho hộ ông Lê L chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ gia đình với người khác diện tích 260,7m^2, loại đất vườn, nên diện tích còn lại của thửa đất số 6 là 1.030,3m^2 (gồm có 200m^2 loại đất ở và 830,3m^2 loại đất vườn).

[3] Ngày 17/5/2012, hộ gia đình thực hiện điều chỉnh biến động thửa đất như sau:

+ Điều chỉnh thửa số 6 thành thửa số 102, tờ bản đồ số 09 thành tờ bản đồ số 15; điều chỉnh giảm diện tích từ 1.030,3m^2 còn 1.012,4m^2, trong đó có 200m^2 đất ở, còn lại 812,4 m^2 là loại đất vườn (giảm diện tích theo hiện trạng sử dụng đất).

+ Năm 2009, UBND thành phố H ban hành quyết định số 3523/QĐ-UBND ngày 15/12/2009, về việc thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng đường N. Theo đó thu hồi một phần thửa đất số 102(6), tờ bản đồ số 15(9) với diện tích thu hồi là 168,6m^2, loại đất ở đô thị *(nhưng lúc đó chưa điều chỉnh giảm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)*. Nên thửa đất bị điều chỉnh giảm 168,6m^2, loại đất ở đô thị, diện tích còn lại của thửa đất là 843,8m^2 (gồm 31,4m^2 loại đất ở và 812,4m^2 loại đất cây lâu năm).

+ Căn cứ khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai năm 2003, UBND thành phố đã công nhận toàn bộ diện tích 812,4m^2, đất trồng cây lâu năm thành đất ở. Nên toàn bộ diện tích 843,8m^2 của thửa đất số 102 (6), tờ bản đồ số 15(9) là đất ở đô thị.

[4] Như vậy, thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.620m^2 do hộ ông Lê L sử dụng từ trước năm 1980, có thực hiện kê khai theo hồ sơ Chỉ thị 299/TTg và đã được UBND thành phố H công nhận tổng cộng diện tích 1.012,4m^2 là loại đất ở đô thị đối với thửa đất có vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở là phù hợp với quy định tại Điều 11, Điều 100, Điều 103 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Hộ ông Lê L đã được công nhận diện tích đất ở hơn 05 lần hạn mức đất ở đối với hộ gia đình tại địa phương, do đó Giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 09/4/2020 của Uỷ ban nhân dân phường C, thành phố H đối với diện tích 84,1m^2 thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 15 là loại đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc từ đất vườn ao gắn liền với thửa đất ở là phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai 2013.

[5] Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Văn B về các yêu cầu: hủy Giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 09/4/2020 của

UBND phường C; hủy Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 và Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 Uỷ ban nhân dân thành phố H; hủy Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố H; huỷ Thông báo số 381/TB-UBND ngày 13/9/2021 của Uỷ ban nhân dân thành phố H về nội dung kết luận tại buổi đối thoại với 02 hộ dân bị ảnh hưởng dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu T tại khối T và khối C, phường C, thành phố H (khu vực C), gồm hộ ông Lê L (đã chết, đại diện là ông Lê Văn B, bà Lê Thị T) và hộ ông Lê Văn D; buộc Uỷ ban nhân dân thành phố H ban hành quyết định thu hồi, bồi thường thiệt hại khi thu hồi đất tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 15, diện tích 84,1m^2 tại khối C, phường C, thành phố H là loại đất ở đô thị cho hộ gia đình ông Lê Văn B là có căn cứ. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận, ông Lê Văn B phải chịu án phí phúc thẩm, tuy nhiên ông Lê Văn B là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Bác kháng cáo của ông Lê Văn B;

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 134/2022/HC-ST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Án phí hành chính phúc thẩm:
Ông Lê Văn B được miễn án phí hành chính phúc thẩm.
Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Tự